TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2026/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa:

* Nguyên đơn: chị Trịnh Thị T, sinh năm: 1989; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước số 0221xxxxxxxx, do Bộ C1 cấp ngày 03/10/2025.

* Bị đơn: anh Chíu A T1, sinh năm: 1990; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước số 0220xxxxxxxx, do Bộ C1 cấp ngày 24/10/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15); điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Chíu A T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* chị Trịnh Thị T và anh Chíu A T1 có 02 (hai) con chung. Chị T và anh T1 thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn anh T1 là người trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chíu Văn P, sinh ngày 22/9/2009 và Chíu Văn V, sinh ngày 29/8/2011 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Trịnh Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung:* chị Trịnh Thị T và anh Chíu A T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* chị Trịnh Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000938 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Trịnh Thị T được hoàn trả lại số tiền còn lại là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Quảng Ninh;
- UBND xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Quảng Ninh
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương